

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LỘC
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 15-4-2025

V/v Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LỘC, TỈNH LẠNG SƠN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hứa Văn Nghiệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Mạnh Sắn.

Ông Trần Đình Đông.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Mạc Thị Sầm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:** Bà Lộc Thị Mận - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 103/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2024 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2025/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Ngọc B, sinh năm 1989; nơi thường trú: Thôn P, xã P, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nơi ở hiện nay: Thôn B, xã C, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

Bị đơn: Anh Liễu Văn L, sinh năm 1993; cư trú tại: Thôn P, xã P, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn đề ngày 10 tháng 10 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Ngọc B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Liễu Văn L có được tự nguyện tìm hiểu nhau. Vợ chồng tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn ngày 17 tháng 11 năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống cùng gia đình nhà chồng tại thôn P, xã P, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Thời gian

đầu, cuộc sống vợ chồng cũng có hạnh phúc. Đến khi chị sinh cháu Liễu Đăng D thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Sau khi sinh cháu Liễu Đăng D được 40 ngày thì chị đưa cháu Liễu Đăng D về sinh sống ở nhà bố, mẹ đẻ của chị tại thôn B, xã C, huyện T, tỉnh Lạng Sơn. thỉnh thoảng chị có đưa cháu Liễu Đăng D về thăm anh Liễu Văn L. Nhưng anh Liễu Văn L không quan tâm đến con cái, chỉ một mình chị tự lo liệu, chăm sóc con. Khi mang bầu con thứ hai, chị phải về nhà bố, mẹ đẻ để sinh con. Từ tháng 10 năm 2021, khi con thứ hai là cháu L1 Trần Hồng D1 được khoảng 08 tháng tuổi thì anh Liễu Văn L không đến thăm hỏi, không gọi điện thoại hỏi thăm chị và các con. Anh Liễu Văn L chỉ chuyển tiền cho chị khi chị gọi điện thoại yêu cầu. Cuối tháng 12 năm 2023, khi chị gọi điện thoại cho anh Liễu Văn L và đặt vấn đề muốn ly hôn thì anh Liễu Văn L đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, ngày 10 tháng 10 năm 2024, chị có làm đơn ly hôn và chị có gọi điện thoại cho anh Liễu Văn L thì anh Liễu Văn L không nghe máy. Kể từ khi chị có đơn ly hôn cho đến nay giữa chị và anh Liễu Văn L không còn liên hệ với nhau, không sống chung với nhau. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, quan hệ hôn nhân không thể tiếp tục được nữa. Do đó, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Liễu Văn L.

Về con chung: Chị và anh Liễu Văn L có 02 (hai) con chung là cháu Liễu Đăng D, sinh ngày 23 tháng 12 năm 2014 và cháu Liễu Trần Hồng D1, sinh ngày 06 tháng 01 năm 2021. Hiện nay, các con đang ở với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu là người được trực tiếp nuôi các con chung. Anh Liễu Văn L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, mức cấp dưỡng tùy theo khả năng của anh Liễu Văn L. Tuy nhiên, tại Bản tự khai bổ sung ngày 07-3-2025, chị Trần Ngọc B không yêu cầu anh Liễu Văn L phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung và cho vay chung: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập anh Liễu Văn L theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Ngoài ra, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Nhưng anh Liễu Văn L không có mặt tại Tòa án theo như giấy triệu tập và các văn bản tố tụng khác của Tòa án. Chị Trần Ngọc B có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hoà giải. Do đó, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo quy định và không tiến hành phiên họp hoà giải.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị Trần Ngọc B giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Chị xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh Liễu Văn L. Chị và anh Liễu Văn L không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng được nữa. Chị giữ nguyên nội dung thay đổi về việc cấp dưỡng nuôi con là chị không yêu cầu anh Liễu Văn L phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã

chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định và thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Giữa chị Trần Ngọc B và anh Liễu Văn L đã sống ly thân từ khoảng năm 2021 cho đến nay. Do đó, cơ sở xác định có sự vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị Trần Ngọc B được ly hôn với anh Liễu Văn L.

Về con chung: Để đảm bảo quyền lợi của các con, không làm ảnh hưởng đến việc học tập của các con, căn cứ các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, đề nghị giao các con chung là cháu Liễu Đăng D, sinh ngày 23 tháng 12 năm 2014 và cháu Liễu Trần Hồng D1, sinh ngày 06 tháng 01 năm 2021 cho chị Trần Ngọc B được trực tiếp nuôi đến khi đủ 18 tuổi. Anh Liễu Văn L không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Liễu Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Do đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, đề nghị không xem xét giải quyết.

Về nợ chung và cho vay chung: Do đương sự xác định không có nên không đề nghị xem xét giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Liễu Văn L không có yêu cầu phản tố. Bị đơn anh Liễu Văn L đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Ngoài ra, không có căn cứ xác định bị đơn anh Liễu Văn L vắng mặt tại phiên tòa là vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh Liễu Văn L theo quy định của điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Ngọc B và anh Liễu Văn L kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Khi kết hôn đảm bảo các điều kiện về kết hôn và có Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn do Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 17 tháng 11 năm 2014. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Ngọc B và anh Liễu Văn L là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Do quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Ngọc B và anh Liễu Văn L là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Chị Trần Ngọc B yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Do đó, xác định quan hệ tranh chấp là ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về tình trạng hôn nhân: Sau khi kết hôn, sau một thời gian chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân từ khoảng năm 2021 đến nay. Từ khi ly thân đến nay, vợ chồng không còn sống chung với nhau, không có quan hệ tình cảm, không có sự quan tâm lẫn nhau, ai sống ra sao thì sống. Vợ chồng không có cách nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa chị Trần Ngọc B và anh Liễu Văn L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Trần Ngọc B và anh Liễu Văn L không có tình nghĩa vợ chồng. Do vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu được ly hôn với anh Liễu Văn L của chị Trần Ngọc B.

[5] Về con chung: Căn cứ các Giấy khai sinh có trong hồ sơ vụ án thì có căn cứ xác định chị Trần Ngọc B và anh Liễu Văn L có 02 (hai) con chung là cháu Liễu Đăng D, sinh ngày 23 tháng 12 năm 2014 và cháu Liễu Trần Hồng D1, sinh ngày 06 tháng 01 năm 2021. Hiện nay, các con đang ở với chị Trần Ngọc B. Cháu Liễu Đăng D có nguyện vọng được ở với chị Trần Ngọc B. Ngoài ra, từ khi chị Trần Ngọc B và anh Liễu Văn L sống ly thân cho đến nay, các con chung vẫn ở cùng chị Trần Ngọc B. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các con, không làm ảnh hưởng đến cuộc sống của các con. Hội đồng xét xử giao các con chung cho chị Trần Ngọc B được trực tiếp nuôi.

[6] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Mặc dù Hội đồng xét xử đã giải thích cho chị Trần Ngọc B việc yêu cầu cấp dưỡng cho con là nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của con. Tuy nhiên, chị Trần Ngọc B vẫn không yêu cầu anh Liễu Văn L phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Ngoài ra, chị Trần Ngọc B khẳng định chị có khả năng, điều kiện nuôi dưỡng các con và chị không yêu cầu cấp dưỡng là tự nguyện. Do đó, Hội đồng xét xử không buộc anh Liễu Văn L phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[7] Về tài sản chung: Do chị Trần Ngọc B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] Về nợ chung và cho vay nợ chung: Do chị Trần Ngọc B xác định không có. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9] Về án phí: Chị Trần Ngọc B là nguyên đơn nên phải chịu án phí phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

[10] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Ngọc B.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Ngọc B được ly hôn anh Liễu Văn L.

2. Về con chung: Chị Trần Ngọc B và anh Liễu Văn L có 02 (hai) con chung là cháu Liễu Đăng D, sinh ngày 23 tháng 12 năm 2014 và cháu Liễu Trần Hồng D1, sinh ngày 06 tháng 01 năm 2021. Hiện nay, các con đang ở với chị Trần Ngọc B. Chị Trần Ngọc B là người được trực tiếp nuôi các con chung cho đến khi các con chung đủ 18 (mười tám) tuổi.

Anh Liễu Văn L không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Liễu Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trần Ngọc B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Xác nhận chị Trần Ngọc B đã nộp đủ số tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000984 ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND H. Cao Lộc, T. Lạng Sơn;
- Chi cục THADS H. Cao Lộc, T. Lạng Sơn;
- UBND X. Phú Xá, H. Cao Lộc, T. Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hứa Văn Nghiệp